Nữ đại biểu tham gia Ban chấp hành Đảng bộ cấp Huyện nhiệm kỳ 2010 - 2015

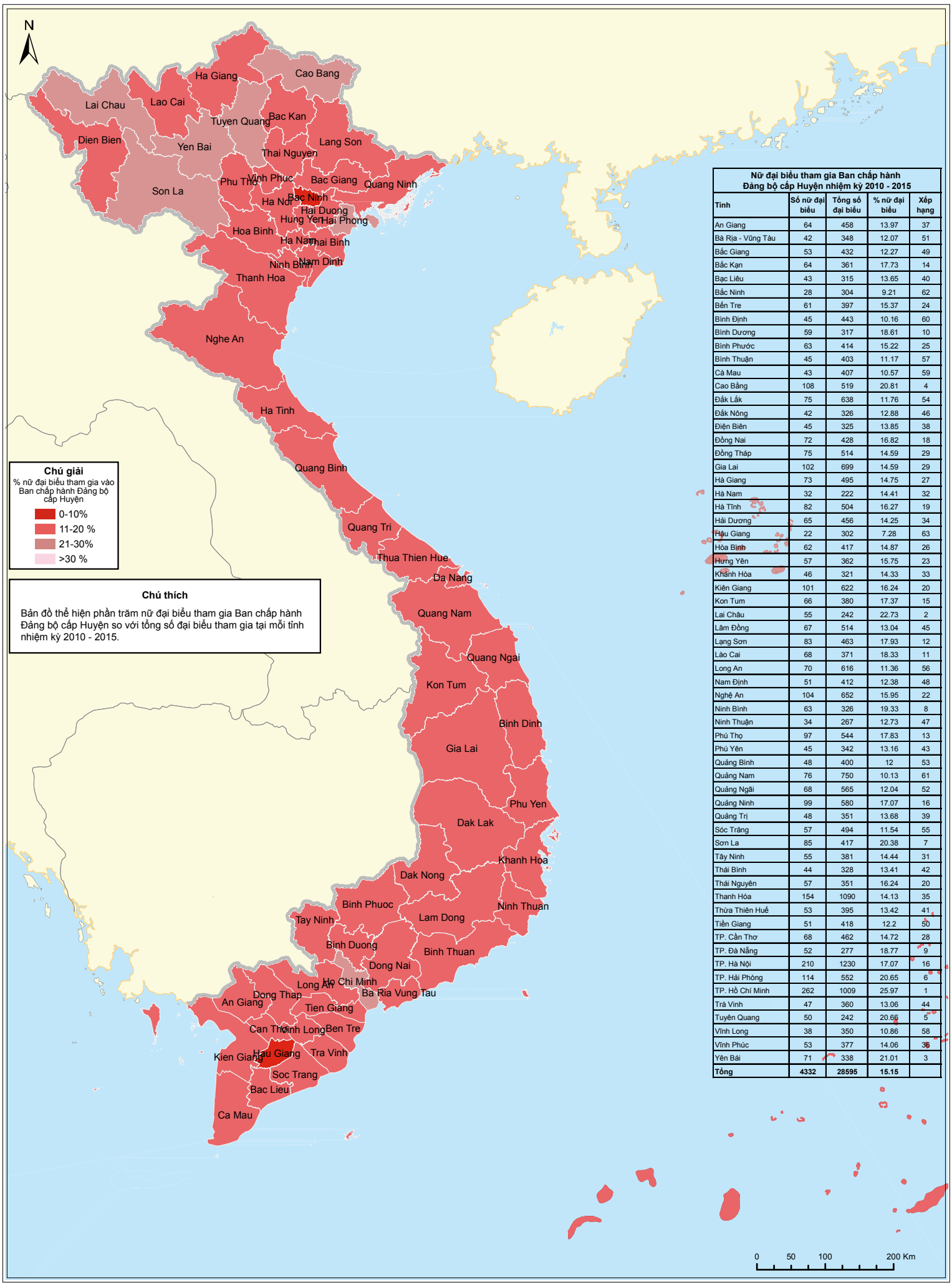

Nữ đại biểu tham gia Ban chấp hành Đảng bộ cấp Huyện nhiệm kỳ 2010 - 2015				
Tỉnh	Số nữ đại biểu	Tổng số đại biểu	% nữ đại biểu	Xếp hạng
An Giang	64	458	13.97	37
Bà Rịa - Vũng Tàu	42	348	12.07	51
Bắc Giang	53	432	12.27	49
Bắc Kạn	64	361	17.73	14
Bạc Liêu	43	315	13.65	40
Bắc Ninh	28	304	9.21	62
Bến Tre	61	397	15.37	24
Bình Định	45	443	10.16	60
Bình Dương	59	317	18.61	10
Bình Phước	63	414	15.22	25
Bình Thuận	45	403	11.17	57
Cà Mau	43	407	10.57	59
Cao Bằng	108	519	20.81	4
Đắk Lắk	75	638	11.76	54
Đắk Nông	42	326	12.88	46
Điện Biên	45	325	13.85	38
Đồng Nai	72	428	16.82	18
Đồng Tháp	75	514	14.59	29
Gia Lai	102	699	14.59	29
Hà Giang	73	495	14.75	27
Hà Nam	32	222	14.41	32
Hà Tĩnh	82	504	16.27	19
Hải Dương	65	456	14.25	34
Hậu Giang	22	302	7.28	63
Hòa Bình	62	417	14.87	26
Hưng Yên	57	362	15.75	23
Khánh Hòa	46	321	14.33	33
Kiên Giang	101	622	16.24	20
Kon Tum	66	380	17.37	15
Lai Châu	55	242	22.73	2
Lâm Đồng	67	514	13.04	45
Lạng Sơn	83	463	17.93	12
Lào Cai	68	371	18.33	11
Long An	70	616	11.36	56
Nam Định	51	412	12.38	48
Nghệ An	104	652	15.95	22
Ninh Bình	63	326	19.33	8
Ninh Thuận	34	267	12.73	47
Phú Thọ	97	544	17.83	13
Phú Yên	45	342	13.16	43
Quảng Bình	48	400	12	53
Quảng Nam	76	750	10.13	61
Quảng Ngãi	68	565	12.04	52
Quảng Ninh	99	580	17.07	16
Quảng Trị	48	351	13.68	39
Sóc Trăng	57	494	11.54	55
Sơn La	85	417	20.38	7
Tây Ninh	55	381	14.44	31
Thái Bình	44	328	13.41	42
Thái Nguyên	57	351	16.24	20
Thanh Hóa	154	1090	14.13	35
Thừa Thiên Huế	53	395	13.42	41
Tiền Giang	51	418	12.2	50
TP. Cần Thơ	68	462	14.72	28
TP. Đà Nẵng	52	277	18.77	9
TP. Hà Nội	210	1230	17.07	16
TP. Hải Phòng	114	552	20.65	6
TP. Hồ Chí Minh	262	1009	25.97	1
Trà Vinh	47	360	13.06	44
Tuyên Quang	50	242	20.66	5
Vĩnh Long	38	350	10.86	58
Vĩnh Phúc	53	377	14.06	36
Yên Bái	71	338	21.01	3
Tổng	**4332**	**28595**	**15.15**	